

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2021

ĐIỂM CHUẨN NĂM 2021
PHƯƠNG THỨC 2: ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐHQG-HCM

STT	Mã ngành	Tên ngành	Điểm chuẩn
1.	7140101	Giáo dục học	24
2.	7140114	Quản lý Giáo dục	24
3.	7220201	Ngôn ngữ Anh	25.6
4.	7220201_CLC	Ngôn ngữ Anh_Chất lượng cao	25.9
5.	7220202	Ngôn ngữ Nga	24
6.	7220203	Ngôn ngữ Pháp	24
7.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	24.1
8.	7220204_CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc_Chất lượng cao	24.1
9.	7220205	Ngôn ngữ Đức	24.1
10.	7220205_CLC	Ngôn ngữ Đức_Chất lượng cao	24.1
11.	7220206	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	24
12.	7220208	Ngôn ngữ Italia	24
13.	7229001	Triết học	24
14.	7229009	Tôn giáo học	24
15.	7229010	Lịch sử	24
16.	7229020	Ngôn ngữ học	24
17.	7229030	Văn học	24
18.	7229040	Văn hóa học	24
19.	7310206	Quan hệ Quốc tế	26.15
20.	7310206_CLC	Quan hệ Quốc tế_Chất lượng cao	26.4
21.	7310301	Xã hội học	24
22.	7310302	Nhân học	24
23.	7310401	Tâm lý học	26.4
24.	7310403	Tâm lý học Giáo dục	24
25.	7310501	Địa Lý Học	24
26.	7310608	Đông Phương Học	24.1
27.	7310613	Nhật Bản học	24.6
28.	7310613_CLC	Nhật Bản học_Chất lượng cao	24.6
29.	7310614	Hàn Quốc học	24.7
30.	7310630	Việt Nam học	24
31.	7320101	Báo chí	26.9
32.	7320101_CLC	Báo chí_Chất lượng cao	27
33.	7320104	Truyền thông Đa phương tiện	27.5
34.	7320201	Thông tin – Thư viện	24
35.	7320205	Quản lý Thông tin	24
36.	7320303	Lưu trữ học	24
37.	7340406	Quản trị Văn phòng	24.5

38.	7580112	Đô thị học	24
39.	7760101	Công tác Xã hội	24
40.	7810103	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	25.6
41.	7810103_CLC	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành _Chất lượng lao	25.3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH